

NHU CẦU VÀ THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG TRƯỜNG HỌC

Trịnh Văn Bắc¹

TÓM TẮT

Thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng thực hiện chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC), nhu cầu của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đối với hoạt động GDTC như: thường thức Thể thao; nhu cầu tham gia tập luyện các môn thể thao; thái độ đối với hoạt động thể thao thái độ của sinh viên đối với môn học GDTC và kết quả học tập môn học GDTC. Đây là những cơ sở thực tiễn nhằm phát triển chương trình GDTC theo hướng đáp ứng nhu cầu và hứng thú tập luyện thể thao của sinh viên.

Từ khóa: *Nhu cầu, thái độ, thể dục thể thao, sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: “*Sứ mệnh của giáo dục là nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành nhân cách, phát triển năng lực con người Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế và toàn cầu hóa...*” [3][5] và đây được xem là một khâu đột phá trong chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 của nước ta. Thông qua giáo dục - đào tạo chuẩn bị cho thế hệ trẻ những năng lực, thể chất và trí tuệ cần thiết để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. GDTC có tổ chức, có khoa học và đáp ứng nhu cầu các môn thể thao ưa thích của sinh viên không chỉ nâng cao thể lực, phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết để hoàn thiện nhân cách người cán bộ trong tương lai, mà còn giúp giảm bớt căng thẳng sau thời gian học tập trên giảng đường, qua đó nâng cao sức khỏe và kích thích khả năng tiềm tàng to lớn của sinh viên trong học tập và sáng tạo. Môn học GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức, đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, để đáp ứng với yêu cầu cao hơn về chất lượng và hiệu quả của môn học GDTC trong giai đoạn hiện nay, cần phải điều chỉnh bổ sung các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng môn học GDTC nói chung, và hoạt động thể dục thể thao nói riêng tại Trường Đại học Hồng Đức.

Tuy nhiên, trên thực tế do nhiều nguyên nhân, môn học GDTC tại các trường đại học ở nước ta nói chung và Trường Đại học Hồng Đức nói riêng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập: chất lượng chưa đạt yêu cầu, thời lượng dành cho GDTC hạn chế, hoạt động thể thao ngoại khóa chưa phong phú, thời gian và nội dung chương trình GDTC còn hạn chế, các môn thể thao ưa thích của sinh viên chưa được chú trọng đúng mức. Chính vì vậy, GDTC và hoạt động ngoại khóa thể thao chưa thu hút được sinh viên, chưa trở thành hoạt động GDTC đúng nghĩa cho sinh viên. Để có cơ sở xác định và phát triển chương trình GDTC theo hướng đáp ứng nhu cầu và hứng thú tập luyện thể thao của sinh viên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: Thực trạng nhu cầu và thái độ của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đối với hoạt động thể thao.

¹*Khoa Giáo dục Thể chất, Trường Đại học Hồng Đức; Email: trinhvanbac@hdu.edu.vn*

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Phương pháp này được chúng tôi sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu cơ sở lý luận, việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất trong các trường đại học và cao đẳng nói chung và việc thực hiện nội dung, các hình thức ngoại khóa nói riêng. Từ đó xây dựng những cơ sở lý luận cho việc: phải xây dựng hoạt động ngoại khóa trong trường học.

Phương pháp phỏng vấn: Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp này nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa, các khó khăn, thuận lợi khách quan và chủ quan đề trên cơ sở đó xây dựng được mô hình phù hợp cho hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao.

Phương pháp toán học thống kê: Phương pháp này được áp dụng để xử lý số liệu trong quá trình nghiên cứu thực trạng của GDTC ở Trường Đại học Hồng Đức và đánh giá hiệu quả tổ chức thực nghiệm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng nội dung chương trình Giáo dục thể chất

Chương trình môn học GDTC được xây dựng trên cơ sở những quy định về chương trình môn học GDTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được ban hành theo thông tư 25/2015/TT/BGDĐT-ĐHĐN ngày 14/10/2015. Chương trình GDTC chính khóa cho sinh viên bao gồm 60 tiết, được chia thành 4 tín chỉ, tương ứng với 2 học kỳ, mỗi học kỳ 30 tiết [2].

Bảng 1. Phân phối nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất

Học phần (Học kỳ)	Nội dung	Số tiết	Hình thức
(Học kỳ I)	Lý thuyết Thực hành: Thể dục tay không 9 động tác, Chạy cự ly ngắn, trung bình, nhảy xa. Kiểm tra	4 tiết 24 tiết 2 tiết	Bắt buộc
(Học kỳ II) Các môn thể thao tự chọn	Lý thuyết Thực hành Kiểm tra	2 tiết 26 tiết 2 tiết	Tự chọn một trong các môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Vovinam, Aerobic
Tổng cộng		60 tiết	

Nguồn: Tác giả giả tổng hợp

Chương trình môn học GDTC tại Trường Đại học Hồng Đức đã thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về GDTC cho sinh viên trong các trường đại học. Chương trình được thiết kế với 2 học phần, tổng số 60 tiết. Tuy vậy, hạn chế về mặt thời gian học của chương trình và số môn thể thao tự chọn chỉ gồm 5 môn, chưa đáp ứng được nhu cầu sở thích của một bộ phận sinh viên. Do vậy việc phát triển chương trình môn học theo hướng mở rộng các môn thể thao tự chọn là một nhu cầu cấp thiết đối với sinh viên Trường Đại học Hồng Đức.

Như vậy, trong chương trình môn học GDTC, ngoài các nội dung lý luận, các hoạt động thực hành cũng là một trong những nội dung có ý nghĩa đối với sự phát triển thể chất của sinh viên, từ đó có ảnh hưởng đến thái độ và nhu cầu học tập cũng như đối với hoạt động GDTC của sinh viên trong Nhà trường.

3.2. Nhu cầu sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đối với môn học Giáo dục Thể chất

Nhu cầu đối với môn học GDTC và nhu cầu thường thức thể dục thể thao của sinh viên được khảo sát qua các tiêu chí: Mức độ quan tâm và hình thức theo dõi các hoạt động thể dục thể thao. Kết quả khảo sát trình bày tại bảng 2. Kết quả khảo sát mức độ quan tâm theo dõi các hoạt động thể dục thể thao cho thấy, sinh viên nam có mức độ quan tâm nhiều hơn đối với nữ sinh viên. Nam sinh viên năm thứ nhất có mức độ theo dõi rất thường xuyên và thường xuyên đạt 77,7%, năm thứ hai chiếm 81,9% và năm thứ ba chỉ đạt tỷ lệ 60,39%. Có thể do đây là năm học tập trung vào các môn học chuyên ngành và môn học GDTC đã kết thúc nên sự quan tâm theo dõi các hoạt động thể dục thể thao ít hơn. Đối với sinh viên nữ, năm thứ nhất, mức độ theo dõi thường xuyên và rất thường xuyên đạt là 39,99%; năm thứ hai là 60,9%, năm thứ ba mức độ theo dõi thấp nhất, đạt 49,01%. Nguyên nhân tương tự như đối với nam sinh viên. Về hình thức theo dõi các hoạt động thể thao của sinh viên cả nam và nữ Trường Đại học Hồng Đức, chiếm tỷ lệ trung bình cao nhất là xem qua internet và qua truyền hình, tiếp sau đó là qua báo, xem trực tiếp. Các hình thức khác có tỷ lệ theo dõi thấp.

Bảng 2. Nhu cầu thường thức thể dục thể thao của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức (n = 645)

	Năm thứ nhất ($m_i = 238$)				Năm thứ hai ($m_i = 204$)				Năm thứ ba ($m_i = 203$)			
	Nam ($m_i = 108$)		Nữ ($m_i = 130$)		Nam ($m_i = 94$)		Nữ ($m_i = 110$)		Nam ($m_i = 101$)		Nữ ($m_i = 102$)	
	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1. Biểu hiện mức độ quan tâm												
Rất thường xuyên	50	46,29	23	17,69	46	48,93	27	24,54	32	31,68	23	22,54
Thường xuyên	34	31,48	29	22,30	31	32,97	40	36,36	29	28,71	27	26,47
Ít theo dõi	14	12,96	58	44,61	10	10,63	26	23,63	32	31,68	34	33,33
Không theo dõi	10	9,27	20	15,40	7	7,47	17	15,47	8	7,93	18	17,66
2. Hình thức theo dõi qua các kênh												
Trực tiếp xem	16	14,81	18	13,84	12	12,76	15	13,63	16	15,84	13	12,74
Theo dõi báo chí	19	17,59	21	16,15	18	19,14	20	18,18	16	15,84	20	19,60
Qua truyền hình	25	23,14	29	22,30	25	26,59	38	34,54	40	39,60	31	30,39
Qua mạng Internet	31	28,70	36	27,69	22	23,40	19	17,27	20	19,80	22	21,56
Qua truyền thanh	9	8,33	5	3,84	3	3,19	4	3,63	4	3,96	5	4,90
Qua các diễn đàn	2	1,85	5	3,84	3	3,19	2	1,81	3	2,97	6	5,88
Nghe nói lại	6	5,55	16	12,34	11	11,73	12	10,94	2	1,99	5	4,93

Nguồn: Tác giả điều tra khảo sát

3.3. Nhu cầu tham gia tập luyện thể thao của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức

Kết quả khảo sát nhu cầu tham gia tập luyện thể thao của sinh viên được đánh giá qua mức độ yêu thích tập luyện và môn thể thao mong muốn được tập luyện. Kết quả khảo sát qua phỏng vấn gián tiếp được trình bày ở các bảng 3 và 4. Bảng 3 cho thấy sinh viên mức độ thích và rất thích tham gia tập luyện đạt từ 68,45% đến 78,71% ở cả nam và nữ trong các năm học. Như vậy, song song với nhu cầu thường thức thể thao, nhu cầu tham gia tập luyện cũng là một nhu cầu khá lớn trong sinh viên. Để đánh giá nhu cầu mong muốn môn thể thao được tập luyện nghiên cứu đã lựa chọn 16 môn thể thao trong định hướng phát triển, phù hợp với điều kiện

thực tiễn tại Trường Đại học Hồng Đức để khảo sát, với yêu cầu mỗi sinh viên chọn 01 môn thể thao thích tập luyện nhất. Bảng 4 cho thấy xu thế lựa chọn các môn thể thao để tập luyện ở nam và nữ có khác nhau. Đối với nữ sinh thường có xu hướng thích tập luyện các môn nhẹ nhàng hoặc ít có đối kháng trực tiếp như Aerobic, Cầu lông, Bóng chuyền, Bơi lội; còn nam thường thích các môn thể thao với bóng, như Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền và Bơi lội. Kết quả khảo sát đã chỉ ra, ngoài các môn thể thao đã được lựa chọn và đưa vào nội dung tự chọn trong chương trình thì Bóng đá 5 người và Bơi lội có tỷ lệ lựa chọn khá cao ở cả nam và nữ.

Bảng 3. Mức độ yêu thích tập luyện thể thao của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức (n = 645)

Mức độ	Năm thứ nhất (n = 238)				Năm thứ hai (n = 204)				Năm thứ ba (n = 203)			
	Nam 108	%	Nữ 130	%	Nam 94	%	Nữ 110	%	Nam 101	%	Nữ 102	%
Rất thích	43	39,81	43	33,07	39	41,48	30	27,27	38	37,62	33	32,35
Thích	36	33,33	46	35,38	35	37,23	36	37,72	39	38,61	41	40,19
Ít thích	18	16,66	27	20,76	16	17,02	34	30,90	18	17,82	26	25,49
Không thích	11	10,20	14	10,79	4	4,27	10	4,11	6	5,95	2	1,97

Nguồn: Tác giả điều tra khảo sát

Bảng 4. Nhu cầu lựa chọn các môn thể thao tự chọn của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức (n = 645)

TT	Môn thể thao	Năm thứ nhất (n=238)				Năm thứ hai (n=204)				Năm thứ ba (n=203)			
		Nam (108)		Nữ (130)		Nam (94)		Nữ (110)		Nam (101)		Nữ (102)	
		mj	%	mj	%	mj	%	mj	%	mj	%	mj	%
1	TD Aerobic	2	1,85	17	13,08	4	4,26	24	21,82	4	3,96	16	15,69
2	TD cổ động	1	0,93	10	7,69	4	4,26	5	4,55	5	4,95	5	4,90
3	Điện kinh	4	3,70	10	7,69	6	6,38	7	6,36	6	5,94	5	4,90
4	Cầu lông	10	9,26	19	14,62	5	5,32	18	16,36	6	5,94	15	14,71
5	Quần vợt	2	1,85	3	2,31	3	3,19	6	5,45	6	5,94	4	3,92
6	Cờ	0	0,00	1	0,77	3	3,19	2	1,82	4	3,96	1	0,98
7	Bơi lội	14	12,96	15	11,54	9	9,57	6	5,45	14	13,86	5	4,90
8	Bóng đá	19	17,59	10	7,69	16	17,02	3	2,73	12	11,88	8	7,84
9	Bóng chuyền	13	12,04	15	11,54	9	9,57	11	10,00	5	4,95	9	8,82
10	Bóng rổ	10	9,26	4	3,08	4	4,25	3	2,73	7	6,93	7	6,86
11	Bóng bàn	3	2,78	3	2,31	6	6,38	4	3,64	6	5,94	5	4,90
12	Võ Vovinam	2	1,85	3	2,31	4	4,26	2	1,82	4	3,96	4	3,92
13	Võ cổ truyền	2	1,85	4	3,08	3	3,19	3	2,73	3	2,97	2	1,96
14	Khiêu vũ	2	1,85	3	2,31	4	4,26	5	4,55	4	3,96	5	4,90
15	Gym	9	8,33	5	3,85	3	3,19	5	4,55	5	4,95	4	3,92
16	Bóng đá 5 người	14	12,96	8	6,15	11	11,75	6	5,45	10	9,90	7	6,86

Nguồn: Tác giả điều tra khảo sát

Ngoài ra với nữ các môn như Thể dục cổ động, Điện kinh cũng nhận được nhiều sự lựa chọn. Đây là vấn đề cần quan tâm khi mở rộng nội dung các môn tự chọn trong phát triển chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức.

3.4. Thái độ của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đối với môn học Giáo dục thể chất

Kết quả nghiên cứu ở bảng 5 cho thấy: Mức độ ưa thích môn học của sinh viên chỉ đạt mức bình thường, chiếm 46,95% ở nam và 52,26% ở nữ. Mức độ rất thích chỉ đạt tỷ lệ thấp cả ở nam và nữ; mức độ thích cũng chiếm tỷ lệ ở nam là 30,35% và ở nữ 23,37%. Như vậy thực tiễn có sự mâu thuẫn giữa nhu cầu, sự yêu thích tham gia tập luyện với thái độ đối với môn học GDTC. Đây là vấn đề cần được làm rõ hơn khi phát triển chương trình môn học theo hướng đáp ứng nhu cầu người học.

Bảng 5. Mức độ yêu thích môn học Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức (n= 645)

Sinh viên	Năm	Mức độ yêu thích môn TT							
		Rất thích		Thích		Bình thường		Không thích	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Nam (n=303)	1	19	17,59	34	31,48	50	46,30	5	4,63
	2	16	17,02	29	30,85	47	50,00	16	2,13
	3	17	16,83	29	28,71	45	44,55	17	9,90
	%	17,15		30,35		46,95		5,55	
Nữ (n= 342)	1	19	14,62	30	23,08	68	52,31	13	10,00
	2	14	12,73	28	25,45	61	55,45	7	6,36
	3	12	11,76	22	21,57	50	49,02	18	17,65
	%	13,04		23,37		52,26		11,34	

3.5. Kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức

Tiến hành đánh giá thực trạng kết quả học tập các nội dung của môn GDTC. Đối tượng kiểm tra khảo sát của đề tài bao gồm: 645 sinh viên của năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và cho kết quả khảo sát thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Hồng Đức, năm học 2020 - 2021

Năm học	Giỏi		Khá		Đạt		Không đạt	
	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
Học kỳ I (303 sv)	58	19,14	89	29,37	156	51,48	10	3,30
Học kỳ II (342 sv)	68	19,88	103	30,11	160	46,78	11	3,21

Nguồn: Tác giả điều tra khảo sát

Môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức tương đối ổn định và chưa cao, chỉ có 49,30% sinh viên đạt loại giỏi và khá, có đến 48,99% đạt và tồn tại 3,25% không đạt. Kết quả này một phần cũng phản ánh thái độ của sinh viên đối với môn học chưa tốt, cần được quan tâm.

4. KẾT LUẬN

Trường Đại học Hồng Đức đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng và tổ chức giảng dạy chương trình môn học GDTC cho sinh viên. Thời lượng GDTC chính khóa cho sinh viên là 2 học phần, với tổng số 60 tiết. Tuy vậy, hạn chế của chương trình là số lượng môn thể thao tự chọn chỉ có 5 môn, chưa đáp ứng

được nhu cầu sở thích của một bộ phận sinh viên, do vậy có ảnh hưởng đến thái độ học tập học phần GDTC cũng như thái độ trong tham gia các hoạt động thể thao.

Sinh viên Trường Đại học Hồng Đức có nhu cầu thường thức và tham gia tập luyện thể dục thể thao khá cao. Các môn thể thao yêu thích được tập luyện ở nam và nữ sinh có khác nhau. Đối với nữ là các môn Thể dục Aerobic, Cầu lông, Bóng chuyền, Bơi lội, Thể dục cổ động, Điền kinh, còn nam là các môn Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền, Bơi lội. Như vậy, Bóng đá 5 người, Bơi lội, Thể dục cổ động, Điền kinh là các môn thể thao cần quan tâm bổ sung khi phát triển chương trình. Tuy vậy, vẫn tồn tại sự mâu thuẫn giữa nhu cầu, sự yêu thích tham gia tập luyện với thái độ đối với học phần GDTC cũng như các hoạt động thể thao trong Nhà trường. Đây là vấn đề cần được làm rõ khi phát triển chương trình môn học theo hướng đáp ứng nhu cầu người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường Thể thao*, Nxb. Thể dục Thể thao, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 14/10/2015 Quy định về chương trình GDTC dành cho sinh viên*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên) (2024), *Giáo trình nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb. Thể dục Thể thao, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Trạch (2004), *Phương pháp giảng dạy thể dục thể thao trong trường phổ thông*, Nxb. Thể dục Thể thao, Hà Nội.

THE NEEDS AND ATTITUDES OF STUDENTS AT HONG DUC UNIVERSITY TOWARDS PHYSICAL EDUCATION ACTIVITIES IN SCHOOL

Trinh Van Bac

ABSTRACT

Through the use of standard scientific research methods, this study evaluates the current implementation of the Physical Education (PE) program, as well as the needs of students regarding PE activities. These include their enjoyment of sports, their desire to participate in sports training, and their attitudes towards sports activities and the PE course at Hong Duc University. The study also examines the students' academic performance in the PE course. These practical insights aim to develop the PE program in a way that meets the needs and interests of students in sports training.

Keywords: Needs, attitudes, physical education activities, students, Hong Duc University.

* Ngày nộp bài: 19/3/2024; Ngày gửi phản biện: 19/3/2024; Ngày duyệt đăng: 25/2/2024